

Name:

Tell me the Vietnamese meaning of the following words by dragging the phrases into the position that you think are correct.

Số đối

Giá trị tuyệt đối

Không âm

Số thực

Khoảng cách

Trục số

1) Absolute value:

2) Distance:

3) Number line:

4) Non - negative:

5) Opposite number:

6) Real number: